

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HNGĐ- ST
Ngày 10- 11 - 2020
V/v Ly hôn giữa chị L1- anh T1.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Thiêm;

2. Ông Ngô Văn Sang.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 07 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Khánh L1, sinh năm 1998. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Tổ dân phố N1, thị trấn D1, huyện T4, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26- 06- 2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị L1 trình bày: Chị và anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T3, huyện T4, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 09 tháng 12 năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình chồng ; vợ chồng và con chung đều có hộ khẩu tại xã T3. Tháng 7- 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở thị trấn D1 sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Chị xác định tình cảm không còn nên chị có nguyện vọng xin ly hôn ; hiện nay chị

không mang thai. Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Khánh V 1, sinh ngày 02 tháng 07 năm 2017 hiện đang sống cùng chị . Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị không yêu cầu anh cấp dưỡng . Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn xin vắng mặt ngày 15- 10- 2020, bị đơn là anh T1 trình bày: Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T3 ngày 09 tháng 12 năm 2016; vợ chồng có một con chung như chị L1 trình bày. Khoảng 5 tháng sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, do tuổi còn trẻ nên vợ chồng chưa có sự chia sẻ , thông cảm với nhau . Vợ chồng đã được hai gia đình hòa giải nhưng không có kết quả . Từ tháng 7-2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Anh xác định tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn. Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Khánh V 1, sinh ngày 02 tháng 07 năm 2017. Anh đồng ý để chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung; hiện nay, anh không có việc làm ổn định nên anh không thể cấp dưỡng được. Về tài sản chung : Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ vợ chồng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Khi Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh Tuyên vắng mặt, có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị L1 và anh T1 là tự nguyện và hợp pháp. Khi vợ chồng mâu thuẫn, chị L1 đã về nhà mẹ đẻ sinh sống nên mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Từ tháng 7- 2017 đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị L1 và anh T1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị L1 ly hôn anh T1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị L1- anh T1 có một con chung là Nguyễn Khánh V1, sinh ngày 02 tháng 07 năm 2017. Chị L1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Anh T1 đồng ý giao

chị L1 nuôi con; hiện nay, anh không có việc làm ổn định nên không thể cấp dưỡng được. Vì vậy, cần áp dụng quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị L1 không yêu cầu cấp dưỡng.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị L1 phải chịu 300.000, đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Khánh L1 ly hôn anh Nguyễn Đức T1.

2. Về con chung:

-Xử giao con chung Nguyễn Khánh V1, sinh ngày 02 tháng 07 năm 2017 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L1 không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị L1 phải nộp toàn bộ 300.000, đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000, đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002282 ngày 02- 07- 2020 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị L1 đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T3, huyện T4, tỉnh Thái Bình;
- VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tòng